

Phụ lục VIII**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT GIẢI MẬT TÀI LIỆU LƯU TRỮ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)**1. Thuyết minh**

- Định mức kinh tế - kỹ thuật giải mật tài liệu lưu trữ được áp dụng theo Điều 4 Thông tư số 05/2014/TT-BNV ngày 23 tháng 06 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật giải mật tài liệu lưu trữ.

- Định mức kinh tế - kỹ thuật giải mật tài liệu lưu trữ là quy định các mức hao phí cần thiết về lao động, vật tư, văn phòng phẩm để thực hiện việc giải mật tài liệu lưu trữ.

- Định mức kinh tế - kỹ thuật giải mật tài liệu lưu trữ đối với các tài liệu lưu trữ đã đến hạn giải mật theo quy định tại Khoản 4 Điều 30 của Luật Lưu trữ, áp dụng đối với tài liệu nền giấy của các phong (khối) tài liệu lưu trữ đã chỉnh lý hoàn chỉnh

- Định mức lao động giải mật tài liệu lưu trữ (T_{sp}) là thời gian lao động hao phí để thực hiện giải mật 01 mét giá tài liệu, được tính bằng tổng của định mức lao động công nghệ (T_{cn}), định mức lao động phục vụ (T_{pv}) và định mức lao động quản lý (T_{ql}): $T_{sp} = T_{cn} + T_{pv} + T_{ql}$.

Định mức lao động giải mật tài liệu lưu trữ được áp dụng tại Lưu trữ lịch sử

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật giải mật tài liệu lưu trữ

a) Định mức lao động giải mật tài liệu lưu trữ

Đơn vị tính: mét giá tài liệu được giải mật

TT	Nội dung công việc	Ngạch bậc công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức	Định mức lao động
1	Bước 1: Xây dựng văn bản hướng dẫn, trình duyệt kế hoạch giải mật tài liệu lưu trữ (TLLT)	Lưu trữ viên (LTV) bậc 5/9 hoặc Lưu trữ viên trung cấp (LTVTC) bậc 10/12	60,000
2	Bước 2: Giao nhận tài liệu		667,759
a	Lấy hồ sơ từ trên giá xuống và rút hồ sơ ra khỏi hộp	LTVTC bậc 1/12	27,759
b	Giao nhận tài liệu giữa thủ kho với người tham gia thực hiện việc giải mật TLLT		610,000

c	Vận chuyển tài liệu đã giao nhận từ kho bảo quản đến địa điểm thực hiện việc giải mật TLLT		30,000
3	Bước 3: Thống kê TLLT có đóng dấu chỉ các mức độ mật và đề xuất tài liệu giải mật		3.657,519
a	Chọn lọc và tách TLLT có đóng dấu chỉ các mức độ mật khỏi hồ sơ và kẹp sơ mi	LTV bậc 2/9 hoặc LTVTC bậc 6/9	607,048
b	Thống kê, đánh máy thành Danh mục TLLT có đóng dấu chỉ các mức độ mật		604,214
c	Đối chiếu tài liệu lưu trữ với các văn bản hướng dẫn giải mật và kiểm tra thực tế tài liệu	LTV bậc 3/9 hoặc LTVTC bậc 10/12	2.446,257
4	Bước 4: Trả tài liệu vào kho		587,624
a	Vận chuyển hồ sơ không có tài liệu mật và hồ sơ đã tách tài liệu mật trả vào kho	LTVTC bậc 1/2	26,400
b	Giao nhận tài liệu giữa người tham gia thực hiện việc giải mật TLLT với thủ kho		536,796
c	Sắp xếp tài liệu lên giá		24,428
5	Bước 5: Kiểm tra dự thảo Danh mục TLLT đề nghị giải mật		557,902
a	Hội đồng giải mật tài liệu tại Lưu trữ lịch sử kiểm tra Danh mục TLLT đề nghị giải mật	Lãnh đạo cơ quan và LTV bậc 5/9 hoặc LTVTC bậc 10/12	67,208
b	Kiểm tra danh mục TLLT đủ điều kiện thời gian để giải mật với Danh mục bí mật nhà nước của các ngành, lĩnh vực; Danh mục tài liệu hạn chế sử dụng và kiểm tra thực tế tài liệu	LTV bậc 5/9 hoặc LTVTC bậc 10/12	485,208
c	Lập biên bản về việc kiểm tra	LTV bậc 1/9	5,486
6	Bước 6: Hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền		69,950
a	Hoàn thiện Danh mục TLLT đề nghị giải mật	Lãnh đạo cơ quan, LTV bậc 3/9 hoặc LTVTC bậc 7/12	64,464
b	Soạn thảo Công văn đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt		5,486
7	Bước 7: Thẩm định hồ sơ và ban hành Quyết định phê duyệt Danh mục TLLT giải mật		347,530
a	Xem xét Danh mục TLLT có đóng dấu chỉ các mức độ mật đề nghị giải mật	Lãnh đạo cơ quan quản lý lưu trữ; Chuyên viên bậc 3/9	67,208
b	Kiểm tra thực tế tài liệu; Kiểm tra danh mục TLLT đủ điều kiện thời gian để giải mật với Danh		242,604

	mục bí mật nhà nước của các ngành, lĩnh vực; Danh mục tài liệu hạn chế sử dụng và thực tế tài liệu đề đề xuất TLLT đủ điều kiện giải mật		
c	Chỉnh sửa, hoàn thiện Danh mục TLLT giải mật (nếu cần)	Chuyên viên bậc 2/9	32,232
d	Ban hành Quyết định phê duyệt Danh mục TLLT giải mật	Lãnh đạo cơ quan quản lý lưu trữ	5,486
8	Bước 8: Đóng dấu “Đã giải mật” lên TLLT có đóng dấu chỉ các mức độ mật đủ điều kiện giải mật		14,641
	Đóng dấu “Đã giải mật” lên TLLT theo Quyết định ban hành Danh mục TLLT giải mật được phê duyệt	LTV bậc 1/9 hoặc LTVTC bậc 3/12	14,641
9	Bước 9: Trả TLLT đã giải mật vào kho		276,849
a	Vận chuyển tài liệu đã giải mật vào kho		3,600
b	Giao nhận tài liệu giữa người tham gia thực hiện việc giải mật với thủ kho	LTVTC bậc 1/12	73,200
c	Lấy hồ sơ có chứa tài liệu mật từ trên giá xuống và rút hồ sơ ra khỏi hộp		24,428
d	Tháo kẹp sơ mi và trả tài liệu đã giải mật vào hồ sơ	LTV bậc 1/9 hoặc LTVTC bậc 3/12	147,862
đ	Sắp xếp tài liệu lên giá	LTVTC bậc 1/12	27,759
10	Bước 10: Lưu hồ sơ thực hiện việc giải mật	LTV bậc 1/9 hoặc LTVTC bậc 3/12	5,486
	Định mức lao động công nghệ -Tcn (Tổng các bước từ 1 - 10)		6.245,260
	Định mức lao động phục vụ - Tpv = 2% x Tcn		124,905
	Định mức lao động quản lý - Tql = 5% x (Tcn + Tpv)		318,508
	Định mức lao động tổng hợp - Tsp = Tcn + Tpv + Tql		6.688,673
	Quy đổi ra ngày công		13,94

b) Định mức vật tư, văn phòng phẩm giải mật tài liệu lưu trữ

Đơn vị tính: phút/mét giá tài liệu được giải mật

Số TT	Tên vật tư, văn phòng phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
-------	----------------------------	-------------	----------	---------

1	Giấy trắng thống kê, in văn bản hướng dẫn và danh mục TLLT có đóng dấu chỉ các mức độ mật đã bao hàm 5% tỷ lệ sai hỏng.	Tờ	50	Giấy trắng khổ A4, định lượng 70g hoặc 80g/m ²
2	Mực in	Hộp	0,03	
3	Bút bi	Cái	2	
4	Mực dầu	lọ	0,5	Dung tích 60 ml
5	Vật tư khác (ghim, dao, kéo....)	%	3	
